

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH

Địa điểm: Thôn Từ Nê, xã Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Lương Tài)

| Thông tin chủ sử dụng đất | | | | | Thông tin trên bản đồ địa chính | | | | | | Nguồn gốc đất | Thông tin trên Giấy tờ sử dụng đất hoặc PA DDDT | | | | | | Tổng diện tích thu hồi từng hộ (m ²) | Tổng diện tích bồi thường, hỗ trợ (m ²) | Đất UBND xã quản lý không bồi thường, hỗ trợ (m ²) | Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp giao ổn định, lâu dài | | | | | Ghi chú |
|---------------------------|--|--------------|------------|-----------------|---------------------------------|-----------|---------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------------|---|--------------|-----------|-----------|---------|-----------------------------|--|---|--|---|--|--|--|---|---------|
| STT | Họ và tên chủ sử dụng đất | CCCD | Địa chỉ | Người liên quan | Xứ đồng | Từ bản đồ | Số thửa | Diện tích đo vẽ (m ²) | Diện tích thu hồi (m ²) | Diện tích còn lại (m ²) | | Loại đất | Loại giấy tờ | Trang | Từ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | | | | Diện tích thu hồi (m ²) | Bồi thường về đất (90.000 đ/m ²) | Bồi thường cây lúa (9.000 đ/m ²) | Hỗ trợ ổn định đời sống (15.000 đ/m ²) | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và TKVL (450.000 đ/m ²) | |
| 1 | Nguyễn Văn Bình | 027075011863 | Thôn Từ Nê | Nhi | Sau Lãng | 13 | 536 | 130.7 | 130.7 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299357 | 13 | 536 | 130.7 | 130.7 | 130.7 | 130.7 | 11,763,000 | 1,176,300 | 1,960,500 | 58,815,000 | 73,714,800 | |
| 2 | Nguyễn Văn Bình | 027052003621 | Thôn Từ Nê | Mùi | Sau Lãng | 13 | 533 | 119.9 | 119.9 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299593 | 13 | 533 | 119.9 | 119.9 | 119.9 | 119.9 | 10,791,000 | 1,079,100 | 1,798,500 | 53,955,000 | 67,623,600 | |
| 3 | Trần Đăng Nư đại diện hộ gia đình (ông Trần Đăng Can đã chết) | 024076012479 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 13 | 365 | 779.2 | 779.2 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG500615 | 13 | 365 | 779.2 | 779.2 | 779.2 | 779.2 | 70,128,000 | 7,012,800 | 11,688,000 | 350,640,000 | 439,468,800 | |
| 4 | Đình Quang Hào đại diện hộ gia đình (ông Đình Đông Canh đã chết) | 027075015395 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 17 | 447 | 109.1 | 109.1 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299657 | 17 | 447 | 109.1 | 109.1 | 109.1 | 109.1 | 9,819,000 | 981,900 | 1,636,500 | 49,095,000 | 61,532,400 | |
| 5 | Nguyễn Thị Thành | 027173011339 | Thôn Từ Nê | Cánh | Sau Lãng | 13 | 379 | 90.7 | 90.7 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299366 | 13 | 379 | 90.7 | 90.7 | 90.7 | 90.7 | 8,163,000 | 816,300 | 1,360,500 | 40,815,000 | 51,154,800 | |
| 6 | Đình Thị Cham | 027173004290 | Thôn Từ Nê | Mận | Sau Lãng | 17 | 384 | 141.0 | 141.0 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299590 | 17 | 384 | 141.0 | 141.0 | 141.0 | 141.0 | 12,690,000 | 1,269,000 | 2,115,000 | 63,450,000 | 79,524,000 | |
| 7 | Nguyễn Thị Chí | 027156007450 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 12 | 330 | 73.4 | 73.4 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299613 | 12 | 330 | 73.4 | 73.4 | 73.4 | 73.4 | 6,606,000 | 660,600 | 1,101,000 | 33,030,000 | 41,397,600 | |
| 8 | Nguyễn Văn Chín | 027052003401 | Thôn Từ Nê | Phấn | Sau Lãng | 13 | 436 | 227.0 | 227.0 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299754 | 13 | 436 | 227.0 | 227.0 | 227.0 | 227.0 | 20,430,000 | 2,043,000 | 3,405,000 | 102,150,000 | 128,028,000 | |
| 9 | Đình Đông Chính | 027165005089 | Thôn Từ Nê | Quy | Sau Lãng | 17 | 440 | 107.4 | 107.4 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299370 | 17 | 440 | 107.4 | 107.4 | 107.4 | 107.4 | 9,666,000 | 966,600 | 1,611,000 | 48,330,000 | 60,573,600 | |
| 10 | Đình Đông Chuyên | 027074006382 | Thôn Từ Nê | Thiện | Sau Lãng | 17 | 725 | 99.5 | 99.5 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG500669 | 17 | 725 | 99.5 | 99.5 | 99.5 | 99.5 | 8,955,000 | 895,500 | 1,492,500 | 44,775,000 | 56,118,000 | |
| 11 | Nguyễn Thị Chuyên | 027158008313 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 12 | 306 | 97.9 | 97.9 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299361 | 12 | 306 | 97.9 | 97.9 | 97.9 | 97.9 | 8,811,000 | 881,100 | 1,468,500 | 44,055,000 | 55,215,600 | |
| 12 | Nguyễn Văn Chuyên | 027054006828 | Thôn Từ Nê | Hòa | Sau Lãng | 13 | 378 | 145.1 | 145.1 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD299789 | 13 | 378 | 145.1 | 145.1 | 145.1 | 145.1 | 13,059,000 | 1,305,900 | 2,176,500 | 65,295,000 | 81,836,400 | |
| 13 | Nguyễn Việt Cường | 027065012633 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 13 | 482 | 157.5 | 157.5 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG500644 | 13 | 482 | 157.5 | 157.5 | 157.5 | 157.5 | 14,175,000 | 1,417,500 | 2,362,500 | 70,875,000 | 88,830,000 | |
| 14 | Nguyễn Văn Đăng | 027066009775 | Thôn Từ Nê | Thị | Sau Lãng | 13 | 451 | 102.2 | 102.2 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG 456033 | 13 | 451 | 102.2 | 102.2 | 102.2 | 102.2 | 9,198,000 | 919,800 | 1,533,000 | 45,990,000 | 57,640,800 | |
| 15 | Nguyễn Văn Đào | 027056004706 | Thôn Từ Nê | Khắc | Sau Lãng | 12 | 299 | 115.1 | 115.1 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299388 | 12 | 299 | 115.1 | 115.1 | 115.1 | 115.1 | 10,359,000 | 1,035,900 | 1,726,500 | 51,795,000 | 64,916,400 | |
| 16 | Đình Xuân Đệ | 027059008780 | Thôn Từ Nê | Quý | Sau Lãng | 12 | 321 | 102.9 | 102.9 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299797 | 12 | 321 | 102.9 | 102.9 | 102.9 | 102.9 | 9,261,000 | 926,100 | 1,543,500 | 46,305,000 | 58,035,600 | |
| 17 | Nguyễn Văn Di | 027059004310 | Thôn Từ Nê | Thanh | Sau Lãng | 17 | 449 | 115.2 | 115.2 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG 456269 | 17 | 449 | 115.2 | 115.2 | 115.2 | 115.2 | 10,368,000 | 1,036,800 | 1,728,000 | 51,840,000 | 64,972,800 | |
| 18 | Vũ Quang Điển | 027073008355 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 13 | 530 | 63.4 | 63.4 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG482089 | 13 | 530 | 63.4 | 63.4 | 63.4 | 63.4 | 5,706,000 | 570,600 | 951,000 | 28,530,000 | 35,757,600 | |
| 19 | Đình Đông Diệu | 027060005753 | Thôn Từ Nê | Đào | Sau Lãng | 13 | 557 | 106.7 | 106.7 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299566 | 13 | 557 | 106.7 | 106.7 | 106.7 | 106.7 | 9,603,000 | 960,300 | 1,600,500 | 48,015,000 | 60,178,800 | |
| 20 | Đình Thị Đình đại diện hộ gia đình (ông Nguyễn Tiên Đô đã chết) | 027161007954 | Thôn Từ Nê | Dương | Sau Lãng | 13 | 561 | 26.2 | 26.2 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG482040 | 13 | 561 | 26.2 | 26.2 | 26.2 | 26.2 | 2,358,000 | 235,800 | 393,000 | 11,790,000 | 14,776,800 | |
| 21 | Đình Thị Đoài | 027152006309 | Thôn Từ Nê | Long | Sau Lãng | 13 | 483 | 152.2 | 152.2 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG500639 | 13 | 483 | 152.2 | 152.2 | 152.2 | 152.2 | 13,698,000 | 1,369,800 | 2,283,000 | 68,490,000 | 85,840,800 | |
| 22 | Nguyễn Văn Đoán | 027072005404 | Thôn Từ Nê | Kim | Sau Lãng | 12 | 319 | 84.5 | 84.5 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299392 | 12 | 319 | 84.5 | 84.5 | 84.5 | 84.5 | 7,605,000 | 760,500 | 1,267,500 | 38,025,000 | 47,658,000 | |
| 23 | Nguyễn Văn Doanh | 027075012302 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 12 | 328 | 107.7 | 107.7 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299780 | 12 | 328 | 107.7 | 107.7 | 107.7 | 107.7 | 9,693,000 | 969,300 | 1,615,500 | 48,465,000 | 60,742,800 | |
| 24 | Đình Huy Đông | 027056006541 | Thôn Từ Nê | Thiết | Sau Lãng | 13 | 437 | 113.1 | 113.1 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG 456041 | 13 | 437 | 113.1 | 113.1 | 113.1 | 113.1 | 10,179,000 | 1,017,900 | 1,696,500 | 50,895,000 | 63,788,400 | |
| 25 | Nguyễn Văn Đông | 027058008308 | Thôn Từ Nê | Chung | Sau Lãng | 17 | 391 | 87.6 | 87.6 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG 456094 | 17 | 391 | 87.6 | 87.6 | 87.6 | 87.6 | 7,884,000 | 788,400 | 1,314,000 | 39,420,000 | 49,406,400 | |
| 26 | Nguyễn Sơn Đông | 027067008625 | Thôn Từ Nê | Hồng | Sau Lãng | 13 | 535 | 217.2 | 217.2 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG 456331 | 13 | 535 | 217.2 | 217.2 | 217.2 | 217.2 | 19,548,000 | 1,954,800 | 3,258,000 | 97,740,000 | 122,500,800 | |
| 27 | Nguyễn Thị Dung | 027157000013 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 13 | 480 | 113.9 | 113.9 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 260911 | 13 | 480 | 113.9 | 113.9 | 113.9 | 113.9 | 10,251,000 | 1,025,100 | 1,708,500 | 51,255,000 | 64,239,600 | |
| 28 | Đình Đông Dũng | 027071013572 | Thôn Từ Nê | Hợi | Sau Lãng | 17 | 448 | 109.3 | 109.3 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299383 | 17 | 448 | 109.3 | 109.3 | 109.3 | 109.3 | 9,837,000 | 983,700 | 1,639,500 | 49,185,000 | 61,645,200 | |
| 29 | Nguyễn Văn Dương | 027048004360 | Thôn Từ Nê | Dịu | Sau Lãng | 13 | 456 | 199.6 | 199.6 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG 456230 | 13 | 456 | 199.6 | 199.6 | 199.6 | 199.6 | 17,964,000 | 1,796,400 | 2,994,000 | 89,820,000 | 112,574,400 | |
| 30 | Nguyễn Thị Dương | 027170006942 | Thôn Từ Nê | | Sau Lãng | 13 | 381 | 157.6 | 157.6 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CD 299776 | 13 | 381 | 157.6 | 157.6 | 157.6 | 157.6 | 14,184,000 | 1,418,400 | 2,364,000 | 70,920,000 | 88,886,400 | |
| 31 | Nguyễn Thị Xuân | 027151003088 | Thôn Từ Nê | Đương | Sau Lãng | 13 | 523 | 140.9 | 140.9 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG 456308 | 13 | 523 | 140.9 | 140.9 | 140.9 | 140.9 | 12,681,000 | 1,268,100 | 2,113,500 | 63,405,000 | 79,467,600 | |
| 32 | Nguyễn Văn Giao | 027067008054 | Thôn Từ Nê | Lãi | Sau Lãng | 12 | 294 | 84.8 | 84.8 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG 456098 | 12 | 294 | 84.8 | 84.8 | 84.8 | 84.8 | 7,632,000 | 763,200 | 1,272,000 | 38,160,000 | 47,827,200 | |
| 33 | Nguyễn Văn Giao | 027066008794 | Thôn Từ Nê | Khánh | Sau Lãng | 13 | 433 | 189.8 | 189.8 | 0.0 | LUC | GB-KTT | CGNQSDĐ | CG500627 | 13 | 433 | 189.8 | 189.8 | 189.8 | 189.8 | 17,082,000 | 1,708,200 | 2,847,000 | 85,410,000 | 107,047,200 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|---|--------------|------------|-----------|----------|----|-----|-------|-------|-----|-----|--------|---------|-----------|----|-----|-------|-------|-------|-------|--|------------|-----------|-----------|-------------|-------------|
| 34 | Nguyễn Thị Nhân | 027150003846 | Thôn Từ Nè | Giờ | Sau Lãng | 13 | 478 | 180.6 | 180.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456221 | 13 | 478 | 180.6 | 180.6 | 180.6 | 180.6 | | 16,254,000 | 1,625,400 | 2,709,000 | 81,270,000 | 101,858,400 |
| 35 | Nguyễn Thị Hằng | 027060007517 | Thôn Từ Nè | Tháng | Sau Lãng | 12 | 318 | 162.2 | 162.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260938 | 12 | 318 | 162.2 | 162.2 | 162.2 | 162.2 | | 14,598,000 | 1,459,800 | 2,433,000 | 72,990,000 | 91,480,800 |
| 36 | Đình Quang Hào | 027075015395 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 17 | 713 | 65.3 | 65.3 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299569 | 17 | 713 | 65.3 | 65.3 | 65.3 | 65.3 | | 5,877,000 | 587,700 | 979,500 | 29,385,000 | 36,829,200 |
| 37 | Nguyễn Văn Hậu | 027080010167 | Thôn Từ Nè | Biết | Sau Lãng | 17 | 451 | 120.0 | 120.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456290 | 17 | 451 | 120.0 | 120.0 | 120.0 | 120.0 | | 10,800,000 | 1,080,000 | 1,800,000 | 54,000,000 | 67,680,000 |
| 38 | Nguyễn Thế Hệ | 027167008926 | Thôn Từ Nè | Lâm | Sau Lãng | 16 | 432 | 90.8 | 90.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299396 | 16 | 432 | 90.8 | 90.8 | 90.8 | 90.8 | | 8,172,000 | 817,200 | 1,362,000 | 40,860,000 | 51,211,200 |
| 39 | Nguyễn Văn Hiến | 027077011708 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 12 | 297 | 109.1 | 109.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500726 | 12 | 297 | 109.1 | 109.1 | 109.1 | 109.1 | | 9,819,000 | 981,900 | 1,636,500 | 49,095,000 | 61,532,400 |
| 40 | Nguyễn Văn Hiệp | 027076008391 | Thôn Từ Nè | Xiêm | Sau Lãng | 17 | 443 | 112.5 | 112.5 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260929 | 17 | 443 | 112.5 | 112.5 | 112.5 | 112.5 | | 10,125,000 | 1,012,500 | 1,687,500 | 50,625,000 | 63,450,000 |
| 41 | Nguyễn Văn Hiệu | 027058000874 | Thôn Từ Nè | Đợi | Sau Lãng | 12 | 323 | 68.6 | 68.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299705 | 12 | 323 | 68.6 | 68.6 | 68.6 | 68.6 | | 6,174,000 | 617,400 | 1,029,000 | 30,870,000 | 38,690,400 |
| 42 | Nguyễn Thị Hình | 027153006701 | Thôn Từ Nè | Bình | Sau Lãng | 13 | 434 | 194.2 | 194.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299740 | 13 | 434 | 194.2 | 194.2 | 194.2 | 194.2 | | 17,478,000 | 1,747,800 | 2,913,000 | 87,390,000 | 109,528,800 |
| 43 | Nguyễn Văn Hoài | 027060006004 | Thôn Từ Nè | Vạn | Sau Lãng | 13 | 506 | 93.3 | 93.3 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456103 | 13 | 506 | 93.3 | 93.3 | 93.3 | 93.3 | | 8,397,000 | 839,700 | 1,399,500 | 41,985,000 | 52,621,200 |
| 44 | Nguyễn Văn Hoàng | 027062008456 | Thôn Từ Nè | Thoa | Sau Lãng | 13 | 382 | 97.2 | 97.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299401 | 13 | 382 | 97.2 | 97.2 | 97.2 | 97.2 | | 8,748,000 | 874,800 | 1,458,000 | 43,740,000 | 54,820,800 |
| 45 | Nguyễn Văn Hoàng | 027054006970 | Thôn Từ Nè | Chín | Sau Lãng | 13 | 408 | 89.4 | 89.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299749 | 13 | 408 | 89.4 | 89.4 | 89.4 | 89.4 | | 8,046,000 | 804,600 | 1,341,000 | 40,230,000 | 50,421,600 |
| 46 | Nguyễn Thị Hói | 027142002697 | Thôn Từ Nè | Hiền/Hiển | Sau Lãng | 13 | 507 | 350.4 | 350.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG482060 | 13 | 507 | 350.4 | 350.4 | 350.4 | 350.4 | | 31,536,000 | 3,153,600 | 5,256,000 | 157,680,000 | 197,625,600 |
| 47 | Nguyễn Văn Hoi | 027060007132 | Thôn Từ Nè | Ninh | Sau Lãng | 16 | 429 | 87.4 | 87.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456497 | 16 | 429 | 87.4 | 87.4 | 87.4 | 87.4 | | 7,866,000 | 786,600 | 1,311,000 | 39,330,000 | 49,293,600 |
| 48 | Nguyễn Văn Huế | 027077014322 | Thôn Từ Nè | 1977 | Sau Lãng | 13 | 588 | 150.4 | 150.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456326 | 13 | 588 | 150.4 | 150.4 | 150.4 | 150.4 | | 13,536,000 | 1,353,600 | 2,256,000 | 67,680,000 | 84,825,600 |
| 49 | Đình Đông Khang | 027062011530 | Thôn Từ Nè | Lầu | Sau Lãng | 12 | 302 | 97.2 | 97.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456107 | 12 | 302 | 97.2 | 97.2 | 97.2 | 97.2 | | 8,748,000 | 874,800 | 1,458,000 | 43,740,000 | 54,820,800 |
| 50 | Nguyễn Thị Khánh | 027174008726 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 13 | 569 | 98.1 | 98.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260903 | 13 | 569 | 98.1 | 98.1 | 98.1 | 98.1 | | 8,829,000 | 882,900 | 1,471,500 | 44,145,000 | 55,328,400 |
| 51 | Nguyễn Văn Khánh | 027057009368 | Thôn Từ Nè | Hoa | Sau Lãng | 17 | 381 | 122.6 | 122.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456303 | 17 | 381 | 122.6 | 122.6 | 122.6 | 122.6 | | 11,034,000 | 1,103,400 | 1,839,000 | 55,170,000 | 69,146,400 |
| 52 | Nguyễn Văn Khánh | 027058004722 | Thôn Từ Nè | Kiến | Sau Lãng | 17 | 409 | 98.5 | 98.5 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299414 | 17 | 409 | 98.5 | 98.5 | 98.5 | 98.5 | | 8,865,000 | 886,500 | 1,477,500 | 44,325,000 | 55,554,000 |
| 53 | Đình Tiến Khoa | 027072007453 | Thôn Từ Nè | Dung | Sau Lãng | 17 | 411 | 92.9 | 92.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456493 | 17 | 411 | 92.9 | 92.9 | 92.9 | 92.9 | | 8,361,000 | 836,100 | 1,393,500 | 41,805,000 | 52,395,600 |
| 54 | Nguyễn Văn Khoa | 027063010665 | Thôn Từ Nè | Lý | Sau Lãng | 17 | 424 | 99.8 | 99.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299819 | 17 | 424 | 99.8 | 99.8 | 99.8 | 99.8 | | 8,982,000 | 898,200 | 1,497,000 | 44,910,000 | 56,287,200 |
| 55 | Nguyễn Văn Khoa | 027048002513 | Thôn Từ Nè | Địa/Hóa | Sau Lãng | 13 | 462 | 167.0 | 167.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299812 | 13 | 462 | 167.0 | 167.0 | 167.0 | 167.0 | | 15,030,000 | 1,503,000 | 2,505,000 | 75,150,000 | 94,188,000 |
| 56 | Nguyễn Văn Khoản | 027048003233 | Thôn Từ Nè | Tốt | Sau Lãng | 13 | 509 | 99.2 | 99.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456257 | 13 | 509 | 99.2 | 99.2 | 99.2 | 99.2 | | 8,928,000 | 892,800 | 1,488,000 | 44,640,000 | 55,948,800 |
| 57 | Nguyễn Văn Khôi | 027070008107 | Thôn Từ Nè | Mai | Sau Lãng | 17 | 419 | 87.2 | 87.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456211 | 17 | 419 | 87.2 | 87.2 | 87.2 | 87.2 | | 7,848,000 | 784,800 | 1,308,000 | 39,240,000 | 49,180,800 |
| 58 | Đình Đông Khuê | 027170007633 | Thôn Từ Nè | Sắc | Sau Lãng | 17 | 441 | 167.0 | 167.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299418 | 17 | 441 | 167.0 | 167.0 | 167.0 | 167.0 | | 15,030,000 | 1,503,000 | 2,505,000 | 75,150,000 | 94,188,000 |
| 59 | Đình Thị Nhân | 027140002387 | Thôn Từ Nè | Kiều | Sau Lãng | 12 | 324 | 188.3 | 188.3 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299422 | 12 | 324 | 188.3 | 188.3 | 188.3 | 188.3 | | 16,947,000 | 1,694,700 | 2,824,500 | 84,735,000 | 106,201,200 |
| 60 | Nguyễn Văn Kim | 027157010756 | Thôn Từ Nè | Lâm | Sau Lãng | 13 | 384 | 109.5 | 109.5 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299316 | 13 | 384 | 109.5 | 109.5 | 109.5 | 109.5 | | 9,855,000 | 985,500 | 1,642,500 | 49,275,000 | 61,758,000 |
| 61 | Nguyễn Minh Kinh | 027041001890 | Thôn Từ Nè | Trần | Sau Lãng | 13 | 560 | 113.7 | 113.7 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260902 | 13 | 560 | 113.7 | 113.7 | 113.7 | 113.7 | | 10,233,000 | 1,023,300 | 1,705,500 | 51,165,000 | 64,126,800 |
| 62 | Nguyễn Văn Kỳ | 027057009095 | Thôn Từ Nè | Kính | Sau Lãng | 13 | 406 | 97.1 | 97.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456110 | 13 | 406 | 97.1 | 97.1 | 97.1 | 97.1 | | 8,739,000 | 873,900 | 1,456,500 | 43,695,000 | 54,764,400 |
| 63 | Nguyễn Văn Lam | 027047003005 | Thôn Từ Nè | Sâm | Sau Lãng | 17 | 420 | 224.2 | 224.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456115 | 17 | 420 | 224.2 | 224.2 | 224.2 | 224.2 | | 20,178,000 | 2,017,800 | 3,363,000 | 100,890,000 | 126,448,800 |
| 64 | Nguyễn Thị Lãm | 027157006828 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 13 | 435 | 91.7 | 91.7 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456076 | 13 | 435 | 91.7 | 91.7 | 91.7 | 91.7 | | 8,253,000 | 825,300 | 1,375,500 | 41,265,000 | 51,718,800 |
| 65 | Đình Đông Lịch | 027169007461 | Thôn Từ Nè | Chiều | Sau Lãng | 13 | 529 | 85.3 | 85.3 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456053 | 13 | 529 | 85.3 | 85.3 | 85.3 | 85.3 | | 7,677,000 | 767,700 | 1,279,500 | 38,385,000 | 48,109,200 |
| 66 | Nguyễn Văn Liễu | 027172008877 | Thôn Từ Nè | Truyền | Sau Lãng | 17 | 413 | 87.6 | 87.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260972 | 17 | 413 | 87.6 | 87.6 | 87.6 | 87.6 | | 7,884,000 | 788,400 | 1,314,000 | 39,420,000 | 49,406,400 |
| 67 | Nguyễn Văn Linh | 027067007739 | Thôn Từ Nè | Nguyệt | Sau Lãng | 17 | 408 | 191.5 | 191.5 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500699 | 17 | 408 | 191.5 | 191.5 | 191.5 | 191.5 | | 17,235,000 | 1,723,500 | 2,872,500 | 86,175,000 | 108,006,000 |
| 68 | Nguyễn Văn Lý | 027062011583 | Thôn Từ Nè | Lĩnh | Sau Lãng | 13 | 526 | 94.8 | 94.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456058 | 13 | 526 | 94.8 | 94.8 | 94.8 | 94.8 | | 8,532,000 | 853,200 | 1,422,000 | 42,660,000 | 53,467,200 |
| 69 | Nguyễn Thị Mai | 027176011219 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 17 | 386 | 246.4 | 246.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456064 | 17 | 386 | 246.4 | 246.4 | 246.4 | 246.4 | | 22,176,000 | 2,217,600 | 3,696,000 | 110,880,000 | 138,969,600 |
| 70 | Nguyễn Văn Giao đại diện hộ gia đình (ông Nguyễn Văn Mãn đã chết) | 027067008054 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 13 | 558 | 96.9 | 96.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG482072 | 13 | 558 | 96.9 | 96.9 | 96.9 | 96.9 | | 8,721,000 | 872,100 | 1,453,500 | 43,605,000 | 54,651,600 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---|--------------|------------|--------------|----------|----|-----|-------|-------|-----|-----|--------|---------|-----------|----|-----|-------|-------|-------|-------|--|------------|-----------|-----------|------------|-------------|
| 71 | Nguyễn Văn Mạnh | 027073009921 | Thôn Từ Né | Biết | Sau Lãng | 13 | 590 | 76.8 | 76.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299730 | 13 | 590 | 76.8 | 76.8 | 76.8 | 76.8 | | 6,912,000 | 691,200 | 1,152,000 | 34,560,000 | 43,315,200 |
| 72 | Nguyễn Thị Mát | 027144002277 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 13 | 440 | 172.2 | 172.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500705 | 13 | 440 | 172.2 | 172.2 | 172.2 | 172.2 | | 15,498,000 | 1,549,800 | 2,583,000 | 77,490,000 | 97,120,800 |
| 73 | Nguyễn Xuân Mê | 027181009547 | Thôn Từ Né | Nhung | Sau Lãng | 13 | 591 | 81.7 | 81.7 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299726 | 13 | 591 | 81.7 | 81.7 | 81.7 | 81.7 | | 7,353,000 | 735,300 | 1,225,500 | 36,765,000 | 46,078,800 |
| 74 | Nguyễn Văn Minh | 027059006627 | Thôn Từ Né | Huống | Sau Lãng | 13 | 570 | 93.9 | 93.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299430 | 13 | 570 | 93.9 | 93.9 | 93.9 | 93.9 | | 8,451,000 | 845,100 | 1,408,500 | 42,255,000 | 52,959,600 |
| 75 | Nguyễn Văn Múng | 027076010996 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 13 | 564 | 87.5 | 87.5 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299733 | 13 | 564 | 87.5 | 87.5 | 87.5 | 87.5 | | 7,875,000 | 787,500 | 1,312,500 | 39,375,000 | 49,350,000 |
| 76 | Nguyễn Văn Mười | 027160011015 | Thôn Từ Né | Bảy | Sau Lãng | 17 | 415 | 114.9 | 114.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456461 | 17 | 415 | 114.9 | 114.9 | 114.9 | 114.9 | | 10,341,000 | 1,034,100 | 1,723,500 | 51,705,000 | 64,803,600 |
| 77 | Nguyễn Văn Ngánh | 027057008352 | Thôn Từ Né | Trang | Sau Lãng | 13 | 460 | 129.0 | 129.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456122 | 13 | 460 | 129.0 | 129.0 | 129.0 | 129.0 | | 11,610,000 | 1,161,000 | 1,935,000 | 58,050,000 | 72,756,000 |
| 78 | Đình Đông Nghi | 027052004329 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 12 | 304 | 118.6 | 118.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299435 | 12 | 304 | 118.6 | 118.6 | 118.6 | 118.6 | | 10,674,000 | 1,067,400 | 1,779,000 | 53,370,000 | 66,890,400 |
| 79 | Đình Đông Chính đại diện hộ gia đình (ông Đình Văn Nghiêm đã chết) | 02707502150 | Thôn Từ Né | Dật | Sau Lãng | 16 | 428 | 190.9 | 190.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299763 | 16 | 428 | 190.9 | 190.9 | 190.9 | 190.9 | | 17,181,000 | 1,718,100 | 2,863,500 | 85,905,000 | 107,667,600 |
| 80 | Nguyễn Văn Nghiệp | 027061004485 | Thôn Từ Né | Nhu | Sau Lãng | 13 | 486 | 121.4 | 121.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456054 | 13 | 486 | 121.4 | 121.4 | 121.4 | 121.4 | | 10,926,000 | 1,092,600 | 1,821,000 | 54,630,000 | 68,469,600 |
| 81 | Đình Minh Ngoan | 027058006133 | Thôn Từ Né | Duyên | Sau Lãng | 13 | 407 | 205.5 | 205.5 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456380 | 13 | 407 | 205.5 | 205.5 | 205.5 | 205.5 | | 18,495,000 | 1,849,500 | 3,082,500 | 92,475,000 | 115,902,000 |
| 82 | Nguyễn Văn Khoái đại diện hộ gia đình (ông Nguyễn Văn Ngọc đã chết) | 027064009539 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 13 | 563 | 100.1 | 100.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260963 | 13 | 563 | 100.1 | 100.1 | 100.1 | 100.1 | | 9,009,000 | 900,900 | 1,501,500 | 45,045,000 | 56,456,400 |
| 83 | Đình Thị Bình là vợ ông Nguyễn Văn Ngợi đã chết | 027155005433 | Thôn Từ Né | Mừng | Sau Lãng | 13 | 405 | 178.5 | 178.5 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500686 | 13 | 405 | 178.5 | 178.5 | 178.5 | 178.5 | | 16,065,000 | 1,606,500 | 2,677,500 | 80,325,000 | 100,674,000 |
| 84 | Nguyễn Văn Ngợi | 027052005784 | Thôn Từ Né | Tác | Sau Lãng | 13 | 461 | 205.1 | 205.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456202 | 13 | 461 | 205.1 | 205.1 | 205.1 | 205.1 | | 18,459,000 | 1,845,900 | 3,076,500 | 92,295,000 | 115,676,400 |
| 85 | Đình Đông Ngừ | 027047004508 | Thôn Từ Né | Nhật | Sau Lãng | 12 | 325 | 178.2 | 178.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456177 | 12 | 325 | 178.2 | 178.2 | 178.2 | 178.2 | | 16,038,000 | 1,603,800 | 2,673,000 | 80,190,000 | 100,504,800 |
| 86 | Đình Thị Hồng | 027151004025 | Thôn Từ Né | Nguyễn/Ti nh | Sau Lãng | 12 | 334 | 101.8 | 101.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260491 | 12 | 334 | 101.8 | 101.8 | 101.8 | 101.8 | | 9,162,000 | 916,200 | 1,527,000 | 45,810,000 | 57,415,200 |
| 87 | Nguyễn Văn Nhận | 027052003267 | Thôn Từ Né | Lan | Sau Lãng | 17 | 421 | 115.9 | 115.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260951 | 17 | 421 | 115.9 | 115.9 | 115.9 | 115.9 | | 10,431,000 | 1,043,100 | 1,738,500 | 52,155,000 | 65,367,600 |
| 88 | Nguyễn Văn Nhuận | 027163005979 | Thôn Từ Né | Minh | Sau Lãng | 13 | 432 | 119.0 | 119.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299448 | 13 | 432 | 119.0 | 119.0 | 119.0 | 119.0 | | 10,710,000 | 1,071,000 | 1,785,000 | 53,550,000 | 67,116,000 |
| 89 | Nguyễn Văn Niêm | 027060007730 | Thôn Từ Né | Ngoãn | Sau Lãng | 17 | 387 | 99.4 | 99.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456234 | 17 | 387 | 99.4 | 99.4 | 99.4 | 99.4 | | 8,946,000 | 894,600 | 1,491,000 | 44,730,000 | 56,061,600 |
| 90 | Đình Đông Ninh | 027050005525 | Thôn Từ Né | Do | Sau Lãng | 12 | 298 | 109.1 | 109.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299453 | 12 | 298 | 109.1 | 109.1 | 109.1 | 109.1 | | 9,819,000 | 981,900 | 1,636,500 | 49,095,000 | 61,532,400 |
| 91 | Nguyễn Văn Nội | 027083015393 | Thôn Từ Né | Hà | Sau Lãng | 13 | 502 | 178.6 | 178.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456314 | 13 | 502 | 178.6 | 178.6 | 178.6 | 178.6 | | 16,074,000 | 1,607,400 | 2,679,000 | 80,370,000 | 100,730,400 |
| 92 | Nguyễn Văn Nội | 027077011915 | Thôn Từ Né | Hội | Sau Lãng | 17 | 382 | 135.1 | 135.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456069 | 17 | 382 | 135.1 | 135.1 | 135.1 | 135.1 | | 12,159,000 | 1,215,900 | 2,026,500 | 60,795,000 | 76,196,400 |
| 93 | Đình Đông Phẩm | 027057011168 | Thôn Từ Né | Mậu | Sau Lãng | 13 | 377 | 218.3 | 218.3 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG482078 | 13 | 377 | 218.3 | 218.3 | 218.3 | 218.3 | | 19,647,000 | 1,964,700 | 3,274,500 | 98,235,000 | 123,121,200 |
| 94 | Đình Đông Phiến | 027053005136 | Thôn Từ Né | Chi | Sau Lãng | 13 | 488 | 209.8 | 209.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500652 | 13 | 488 | 209.8 | 209.8 | 209.8 | 209.8 | | 18,882,000 | 1,888,200 | 3,147,000 | 94,410,000 | 118,327,200 |
| 95 | Nguyễn Văn Phương | 027059008100 | Thôn Từ Né | Thường | Sau Lãng | 13 | 593 | 98.2 | 98.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299457 | 13 | 593 | 98.2 | 98.2 | 98.2 | 98.2 | | 8,838,000 | 883,800 | 1,473,000 | 44,190,000 | 55,384,800 |
| 96 | Nguyễn Thị Phương | 027175011068 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 12 | 333 | 83.7 | 83.7 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456186 | 12 | 333 | 83.7 | 83.7 | 83.7 | 83.7 | | 7,533,000 | 753,300 | 1,255,500 | 37,665,000 | 47,206,800 |
| 97 | Nguyễn Văn Phương | 027053003017 | Thôn Từ Né | Thập | Sau Lãng | 17 | 417 | 106.8 | 106.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299642 | 17 | 417 | 106.8 | 106.8 | 106.8 | 106.8 | | 9,612,000 | 961,200 | 1,602,000 | 48,060,000 | 60,235,200 |
| 98 | Đình Thị Xuyên | 027167007832 | Thôn Từ Né | Quần | Sau Lãng | 17 | 446 | 110.3 | 110.3 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299661 | 17 | 446 | 110.3 | 110.3 | 110.3 | 110.3 | | 9,927,000 | 992,700 | 1,654,500 | 49,635,000 | 62,209,200 |
| 99 | Nguyễn Phú Quý | 027044002399 | Thôn Từ Né | Bắc | Sau Lãng | 13 | 510 | 75.9 | 75.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456180 | 13 | 510 | 75.9 | 75.9 | 75.9 | 75.9 | | 6,831,000 | 683,100 | 1,138,500 | 34,155,000 | 42,807,600 |
| 100 | Nguyễn Văn Quyền | 027067007812 | Thôn Từ Né | Lâm | Sau Lãng | 13 | 439 | 162.2 | 162.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299460 | 13 | 439 | 162.2 | 162.2 | 162.2 | 162.2 | | 14,598,000 | 1,459,800 | 2,433,000 | 72,990,000 | 91,480,800 |
| 101 | Nguyễn Văn Quyết | 027071014926 | Thôn Từ Né | Nhan | Sau Lãng | 13 | 503 | 174.1 | 174.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260937 | 13 | 503 | 174.1 | 174.1 | 174.1 | 174.1 | | 15,669,000 | 1,566,900 | 2,611,500 | 78,345,000 | 98,192,400 |
| 102 | Nguyễn Thị Khuyến | 027164009197 | Thôn Từ Né | Sách | Sau Lãng | 12 | 307 | 163.2 | 163.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299466 | 12 | 307 | 163.2 | 163.2 | 163.2 | 163.2 | | 14,688,000 | 1,468,800 | 2,448,000 | 73,440,000 | 92,044,800 |
| 103 | Nguyễn Văn Sân | 027183008623 | Thôn Từ Né | Luyện | Sau Lãng | 17 | 410 | 98.6 | 98.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260954 | 17 | 410 | 98.6 | 98.6 | 98.6 | 98.6 | | 8,874,000 | 887,400 | 1,479,000 | 44,370,000 | 55,610,400 |
| 104 | Đình Thị Huệ | 027158005071 | Thôn Từ Né | Sáng | Sau Lãng | 13 | 562 | 83.8 | 83.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299469 | 13 | 562 | 83.8 | 83.8 | 83.8 | 83.8 | | 7,542,000 | 754,200 | 1,257,000 | 37,710,000 | 47,263,200 |
| 105 | Nguyễn Văn Soi | 027067010868 | Thôn Từ Né | Cây | Sau Lãng | 17 | 416 | 92.9 | 92.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299473 | 17 | 416 | 92.9 | 92.9 | 92.9 | 92.9 | | 8,361,000 | 836,100 | 1,393,500 | 41,805,000 | 52,395,600 |
| 106 | Đình Đông Sơn | 027062003762 | Thôn Từ Né | Tĩnh | Sau Lãng | 13 | 481 | 101.6 | 101.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299326 | 13 | 481 | 101.6 | 101.6 | 101.6 | 101.6 | | 9,144,000 | 914,400 | 1,524,000 | 45,720,000 | 57,302,400 |
| 107 | Nguyễn Văn Sơn | 027064008892 | Thôn Từ Né | Thắng | Sau Lãng | 17 | 708 | 83.2 | 83.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260920 | 17 | 708 | 83.2 | 83.2 | 83.2 | 83.2 | | 7,488,000 | 748,800 | 1,248,000 | 37,440,000 | 46,924,800 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---|--------------|------------|-----------|----------|----|-----|-------|-------|-----|-----|--------|---------|-----------|----|-----|-------|-------|-------|-------|--|------------|-----------|-----------|------------|-------------|
| 108 | Nguyễn Văn Sĩ | 027064013339 | Thôn Từ Né | Khái | Sau Lãng | 13 | 453 | 107,8 | 107,8 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299771 | 13 | 453 | 107,8 | 107,8 | 107,8 | 107,8 | | 9.702,000 | 970,200 | 1,617,000 | 48,510,000 | 60,799,200 |
| 109 | Đình Đồng Sùng | 027064009918 | Thôn Từ Né | Thoái | Sau Lãng | 13 | 524 | 145,0 | 145,0 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500619 | 13 | 524 | 145,0 | 145,0 | 145,0 | 145,0 | | 13,050,000 | 1,305,000 | 2,175,000 | 65,250,000 | 81,780,000 |
| 110 | Nguyễn Thị Suốt | 027175010638 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 17 | 714 | 44,2 | 44,2 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299678 | 17 | 714 | 44,2 | 44,2 | 44,2 | 44,2 | | 3,978,000 | 397,800 | 663,000 | 19,890,000 | 24,928,800 |
| 111 | Nguyễn Thị Gái | 027145003714 | Thôn Từ Né | Suy/Cường | Sau Lãng | 13 | 565 | 98,4 | 98,4 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456375 | 13 | 565 | 98,4 | 98,4 | 98,4 | 98,4 | | 8,856,000 | 885,600 | 1,476,000 | 44,280,000 | 55,497,600 |
| 112 | Đình Đồng Sỹ | 027172010538 | Thôn Từ Né | Hiển | Sau Lãng | 13 | 412 | 98,2 | 98,2 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456483 | 13 | 412 | 98,2 | 98,2 | 98,2 | 98,2 | | 8,838,000 | 883,800 | 1,473,000 | 44,190,000 | 55,384,800 |
| 113 | Nguyễn Văn Tám | 027150002916 | Thôn Từ Né | Sứy/Duyên | Sau Lãng | 13 | 409 | 100,9 | 100,9 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299477 | 13 | 409 | 100,9 | 100,9 | 100,9 | 100,9 | | 9,081,000 | 908,100 | 1,513,500 | 45,405,000 | 56,907,600 |
| 114 | Nguyễn Văn Tăng | 027035002231 | Thôn Từ Né | The/Khánh | Sau Lãng | 13 | 383 | 187,9 | 187,9 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299481 | 13 | 383 | 187,9 | 187,9 | 187,9 | 187,9 | | 16,911,000 | 1,691,100 | 2,818,500 | 84,555,000 | 105,975,600 |
| 115 | Nguyễn Thị Táo | 027052003251 | Thôn Từ Né | Trung | Sau Lãng | 13 | 531 | 193,1 | 193,1 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456354 | 13 | 531 | 193,1 | 193,1 | 193,1 | 193,1 | | 17,379,000 | 1,737,900 | 2,896,500 | 86,895,000 | 108,908,400 |
| 116 | Đình Đồng Hành đại diện hộ gia đình (ông Đình Đồng Tấu đã chết) | 027072007663 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 17 | 385 | 214,9 | 214,9 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299604 | 17 | 385 | 214,9 | 214,9 | 214,9 | 214,9 | | 19,341,000 | 1,934,100 | 3,223,500 | 96,705,000 | 121,203,600 |
| 117 | Nguyễn Văn Tết | 027049004949 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 17 | 423 | 98,6 | 98,6 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299485 | 17 | 423 | 98,6 | 98,6 | 98,6 | 98,6 | | 8,874,000 | 887,400 | 1,479,000 | 44,370,000 | 55,610,400 |
| 118 | Nguyễn Văn Tha | 027170008962 | Thôn Từ Né | Sắc | Sau Lãng | 12 | 335 | 76,7 | 76,7 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299490 | 12 | 335 | 76,7 | 76,7 | 76,7 | 76,7 | | 6,903,000 | 690,300 | 1,150,500 | 34,515,000 | 43,258,800 |
| 119 | Nguyễn Văn Thân | 027077011448 | Thôn Từ Né | Phòng | Sau Lãng | 12 | 327 | 113,0 | 113,0 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456382 | 12 | 327 | 113,0 | 113,0 | 113,0 | 113,0 | | 10,170,000 | 1,017,000 | 1,695,000 | 50,850,000 | 63,732,000 |
| 120 | Nguyễn Văn Thắng | 027070010383 | Thôn Từ Né | Len | Sau Lãng | 12 | 337 | 86,5 | 86,5 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299620 | 12 | 337 | 86,5 | 86,5 | 86,5 | 86,5 | | 7,785,000 | 778,500 | 1,297,500 | 38,925,000 | 48,786,000 |
| 121 | Nguyễn Văn Thắng | 027171006622 | Thôn Từ Né | Chuyên | Sau Lãng | 13 | 457 | 124,0 | 124,0 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456065 | 13 | 457 | 124,0 | 124,0 | 124,0 | 124,0 | | 11,160,000 | 1,116,000 | 1,860,000 | 55,800,000 | 69,936,000 |
| 122 | Nguyễn Văn Thanh | 027064010456 | Thôn Từ Né | Liên | Sau Lãng | 13 | 527 | 78,1 | 78,1 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299494 | 13 | 527 | 78,1 | 78,1 | 78,1 | 78,1 | | 7,029,000 | 702,900 | 1,171,500 | 35,145,000 | 44,048,400 |
| 123 | Nguyễn Văn Thành | 027072009857 | Thôn Từ Né | Lựu | Sau Lãng | 13 | 505 | 108,9 | 108,9 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456133 | 13 | 505 | 108,9 | 108,9 | 108,9 | 108,9 | | 9,801,000 | 980,100 | 1,633,500 | 49,005,000 | 61,419,600 |
| 124 | Nguyễn Văn Thảo | 027056005820 | Thôn Từ Né | Nữ | Sau Lãng | 13 | 596 | 87,3 | 87,3 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456436 | 13 | 596 | 87,3 | 87,3 | 87,3 | 87,3 | | 7,857,000 | 785,700 | 1,309,500 | 39,285,000 | 49,237,200 |
| 125 | Nguyễn Văn Thảo | 027076010899 | Thôn Từ Né | Mài | Sau Lãng | 13 | 597 | 98,1 | 98,1 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299598 | 13 | 597 | 98,1 | 98,1 | 98,1 | 98,1 | | 8,829,000 | 882,900 | 1,471,500 | 44,145,000 | 55,328,400 |
| 126 | Nguyễn Văn Tháp | 027064012494 | Thôn Từ Né | Thoi | Sau Lãng | 12 | 317 | 101,6 | 101,6 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD299503 | 12 | 317 | 101,6 | 101,6 | 101,6 | 101,6 | | 9,144,000 | 914,400 | 1,524,000 | 45,720,000 | 57,302,400 |
| 127 | Nguyễn Văn Thát | 027062012655 | Thôn Từ Né | Hữu | Sau Lãng | 13 | 385 | 97,3 | 97,3 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG482079 | 13 | 385 | 97,3 | 97,3 | 97,3 | 97,3 | | 8,757,000 | 875,700 | 1,459,500 | 43,785,000 | 54,877,200 |
| 128 | Nguyễn Văn Thát | 027073005920 | Thôn Từ Né | Nghiên | Sau Lãng | 13 | 534 | 95,7 | 95,7 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299346 | 13 | 534 | 95,7 | 95,7 | 95,7 | 95,7 | | 8,613,000 | 861,300 | 1,435,500 | 43,065,000 | 53,974,800 |
| 129 | Nguyễn Văn Thế | 027063009502 | Thôn Từ Né | Nha | Sau Lãng | 13 | 458 | 129,0 | 129,0 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456390 | 13 | 458 | 129,0 | 129,0 | 129,0 | 129,0 | | 11,610,000 | 1,161,000 | 1,935,000 | 58,050,000 | 72,756,000 |
| 130 | Nguyễn Văn Thế | 027070009551 | Thôn Từ Né | Thêu | Sau Lãng | 17 | 392 | 167,2 | 167,2 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500608 | 17 | 392 | 167,2 | 167,2 | 167,2 | 167,2 | | 15,048,000 | 1,504,800 | 2,508,000 | 75,240,000 | 94,300,800 |
| 131 | Nguyễn Văn Toàn đại diện hộ gia đình (bà Nguyễn Thị Thêm đã chết) | 027070008359 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 17 | 388 | 110,6 | 110,6 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456137 | 17 | 388 | 110,6 | 110,6 | 110,6 | 110,6 | | 9,954,000 | 995,400 | 1,659,000 | 49,770,000 | 62,378,400 |
| 132 | Nguyễn Văn Thiên | 027163007310 | Thôn Từ Né | Hoa | Sau Lãng | 13 | 567 | 84,5 | 84,5 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456441 | 13 | 567 | 84,5 | 84,5 | 84,5 | 84,5 | | 7,605,000 | 760,500 | 1,267,500 | 38,025,000 | 47,658,000 |
| 133 | Nguyễn Văn Thiết | 027063012466 | Thôn Từ Né | Tinh | Sau Lãng | 17 | 425 | 98,6 | 98,6 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260925 | 17 | 425 | 98,6 | 98,6 | 98,6 | 98,6 | | 8,874,000 | 887,400 | 1,479,000 | 44,370,000 | 55,610,400 |
| 134 | Nguyễn Trương Thịnh | 027057009724 | Thôn Từ Né | Nữ | Sau Lãng | 13 | 508 | 95,3 | 95,3 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299647 | 13 | 508 | 95,3 | 95,3 | 95,3 | 95,3 | | 8,577,000 | 857,700 | 1,429,500 | 42,885,000 | 53,749,200 |
| 135 | Nguyễn Văn Thịnh | 027072010282 | Thôn Từ Né | Sen | Sau Lãng | 13 | 450 | 97,2 | 97,2 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260955 | 13 | 450 | 97,2 | 97,2 | 97,2 | 97,2 | | 8,748,000 | 874,800 | 1,458,000 | 43,740,000 | 54,820,800 |
| 136 | Nguyễn Văn Thơ | 027142002010 | Thôn Từ Né | Thoi | Sau Lãng | 13 | 559 | 195,5 | 195,5 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456398 | 13 | 559 | 195,5 | 195,5 | 195,5 | 195,5 | | 17,595,000 | 1,759,500 | 2,932,500 | 87,975,000 | 110,262,000 |
| 137 | Nguyễn Văn Thọ | 027060006875 | Thôn Từ Né | Thâu | Sau Lãng | 13 | 438 | 97,3 | 97,3 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456170 | 13 | 438 | 97,3 | 97,3 | 97,3 | 97,3 | | 8,757,000 | 875,700 | 1,459,500 | 43,785,000 | 54,877,200 |
| 138 | Nguyễn Văn Thoại | 027171009487 | Thôn Từ Né | Thiết | Sau Lãng | 17 | 390 | 77,8 | 77,8 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299520 | 17 | 390 | 77,8 | 77,8 | 77,8 | 77,8 | | 7,002,000 | 700,200 | 1,167,000 | 35,010,000 | 43,879,200 |
| 139 | Nguyễn Văn Thới | 027047004346 | Thôn Từ Né | Thược | Sau Lãng | 12 | 303 | 221,2 | 221,2 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299696 | 12 | 303 | 221,2 | 221,2 | 221,2 | 221,2 | | 19,908,000 | 1,990,800 | 3,318,000 | 99,540,000 | 124,756,800 |
| 140 | Đình Đồng Thứ | 027059605489 | Thôn Từ Né | Nguyệt | Sau Lãng | 13 | 459 | 97,2 | 97,2 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299528 | 13 | 459 | 97,2 | 97,2 | 97,2 | 97,2 | | 8,748,000 | 874,800 | 1,458,000 | 43,740,000 | 54,820,800 |
| 141 | Nguyễn Văn Thứ | 027072006950 | Thôn Từ Né | | Sau Lãng | 17 | 380 | 72,2 | 72,2 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456467 | 17 | 380 | 72,2 | 72,2 | 72,2 | 72,2 | | 6,498,000 | 649,800 | 1,083,000 | 32,490,000 | 40,720,800 |
| 142 | Nguyễn Thị Xuyên | 027160008933 | Thôn Từ Né | Thức | Sau Lãng | 12 | 310 | 97,2 | 97,2 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456142 | 12 | 310 | 97,2 | 97,2 | 97,2 | 97,2 | | 8,748,000 | 874,800 | 1,458,000 | 43,740,000 | 54,820,800 |
| 143 | Nguyễn Văn Thương | 027065010800 | Thôn Từ Né | Phân | Sau Lãng | 13 | 532 | 130,0 | 130,0 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299532 | 13 | 532 | 130,0 | 130,0 | 130,0 | 130,0 | | 11,700,000 | 1,170,000 | 1,950,000 | 58,500,000 | 73,320,000 |
| 144 | Nguyễn Văn Thụy | 027075009895 | Thôn Từ Né | Hiển | Sau Lãng | 12 | 326 | 125,6 | 125,6 | 0,0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299833 | 12 | 326 | 125,6 | 125,6 | 125,6 | 125,6 | | 11,304,000 | 1,130,400 | 1,884,000 | 56,520,000 | 70,838,400 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|---|--------------|------------|----------|----------|----|-----|-------|-------|-----|-----|--------|------------------------------------|-----------|----|-------|-------|-------|-------|-------|------------|------------|-----------|-------------|-------------|---|---|
| 145 | Đình Thị Tiệp | 027139004209 | Thôn Từ Nè | Luyện | Sau Lãng | 16 | 433 | 196.4 | 196.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260973 | 16 | 433 | 196.4 | 196.4 | 196.4 | 196.4 | | 17,676,000 | 1,767,600 | 2,946,000 | 88,380,000 | 110,769,600 | |
| 146 | Nguyễn Văn Tiếp | 027070006308 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 17 | 444 | 106.8 | 106.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500670 | 17 | 444 | 106.8 | 106.8 | 106.8 | 106.8 | | 9,612,000 | 961,200 | 1,602,000 | 48,060,000 | 60,235,200 | |
| 147 | Nguyễn Văn Tin | 027073006197 | Thôn Từ Nè | Hồng | Sau Lãng | 13 | 410 | 102.5 | 102.5 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299836 | 13 | 410 | 102.5 | 102.5 | 102.5 | 102.5 | | 9,225,000 | 922,500 | 1,537,500 | 46,125,000 | 57,810,000 | |
| 148 | Vũ Quang Tín | 027059004414 | Thôn Từ Nè | Thế | Sau Lãng | 13 | 604 | 169.7 | 169.7 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456266 | 13 | 604 | 169.7 | 169.7 | 169.7 | 169.7 | | 15,273,000 | 1,527,300 | 2,545,500 | 76,365,000 | 95,710,800 | |
| 149 | Đình Đông Toàn | 027071010955 | Thôn Từ Nè | Vy | Sau Lãng | 13 | 487 | 104.8 | 104.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260906 | 13 | 487 | 104.8 | 104.8 | 104.8 | 104.8 | | 9,432,000 | 943,200 | 1,572,000 | 47,160,000 | 59,107,200 | |
| 150 | Nguyễn Văn Trác | 027044003588 | Thôn Từ Nè | Phái | Sau Lãng | 13 | 479 | 205.6 | 205.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299678 | 13 | 479 | 205.6 | 205.6 | 205.6 | 205.6 | | 18,504,000 | 1,850,400 | 3,084,000 | 92,520,000 | 115,958,400 | |
| 151 | Đình Đông Trí | 027178009307 | Thôn Từ Nè | Bé | Sau Lãng | 17 | 407 | 81.2 | 81.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456146 | 17 | 407 | 81.2 | 81.2 | 81.2 | 81.2 | | 7,308,000 | 730,800 | 1,218,000 | 36,540,000 | 45,796,800 | |
| 152 | Đình Đông Trình | 027080010383 | Thôn Từ Nè | Huế | Sau Lãng | 12 | 322 | 199.6 | 199.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456236 | 12 | 322 | 199.6 | 199.6 | 199.6 | 199.6 | | 17,964,000 | 1,796,400 | 2,994,000 | 89,820,000 | 112,574,400 | |
| 153 | Nguyễn Văn Trinh | 027083012886 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 13 | 411 | 103.1 | 103.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456358 | 13 | 411 | 103.1 | 103.1 | 103.1 | 103.1 | | 9,279,000 | 927,900 | 1,546,500 | 46,395,000 | 58,148,400 | |
| 154 | Nguyễn Văn Trụ | 027068011156 | Thôn Từ Nè | Luyện | Sau Lãng | 13 | 404 | 97.3 | 97.3 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG482067 | 13 | 404 | 97.3 | 97.3 | 97.3 | 97.3 | | 8,757,000 | 875,700 | 1,459,500 | 43,785,000 | 54,877,200 | |
| 155 | Đình Đông Trung | 027157007549 | Thôn Từ Nè | Khuê | Sau Lãng | 13 | 566 | 90.0 | 90.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299824 | 13 | 566 | 90.0 | 90.0 | 90.0 | 90.0 | | 8,100,000 | 810,000 | 1,350,000 | 40,500,000 | 50,760,000 | |
| 156 | Nguyễn Văn Tứ | 027064010173 | Thôn Từ Nè | Bé | Sau Lãng | 13 | 452 | 204.8 | 204.8 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | | 13 | 452 | 204.8 | 204.8 | 204.8 | 204.8 | | 18,432,000 | 1,843,200 | 3,072,000 | 92,160,000 | 115,507,200 | |
| 157 | Nguyễn Thị Cảnh | 027162008690 | Thôn Từ Nè | Tuấn | Sau Lãng | 17 | 422 | 98.7 | 98.7 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456156 | 17 | 422 | 98.7 | 98.7 | 98.7 | 98.7 | | 8,883,000 | 888,300 | 1,480,500 | 44,415,000 | 55,666,800 | |
| 158 | Nguyễn Văn Cương | 027089009978 | Thôn Từ Nè | Lan | Sau Lãng | 17 | 418 | 174.6 | 174.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456173 | 17 | 418 | 174.6 | 174.6 | 174.6 | 174.6 | | 15,714,000 | 1,571,400 | 2,619,000 | 78,570,000 | 98,474,400 | |
| 159 | Nguyễn Văn Viên | 027166009851 | Thôn Từ Nè | Thanh | Sau Lãng | 13 | 568 | 84.1 | 84.1 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456424 | 13 | 568 | 84.1 | 84.1 | 84.1 | 84.1 | | 7,569,000 | 756,900 | 1,261,500 | 37,845,000 | 47,432,400 | |
| 160 | Nguyễn Văn Viễn | 027061008156 | Thôn Từ Nè | Thập | Sau Lãng | 17 | 450 | 139.3 | 139.3 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456411 | 17 | 450 | 139.3 | 139.3 | 139.3 | 139.3 | | 12,537,000 | 1,253,700 | 2,089,500 | 62,685,000 | 78,565,200 | |
| 161 | Nguyễn Anh Thắng đại diện hộ gia đình (bà Nguyễn Thị Phương Vinh đã chết) | 027078008614 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 12 | 295 | 36.6 | 36.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500711 | 12 | 295 | 36.6 | 36.6 | 36.6 | 36.6 | | 3,294,000 | 329,400 | 549,000 | 16,470,000 | 20,642,400 | |
| 162 | Nguyễn Thị Sứ | 027173006481 | Thôn Từ Nè | Vũ | Sau Lãng | 13 | 594 | 65.2 | 65.2 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG 456430 | 13 | 594 | 65.2 | 65.2 | 65.2 | 65.2 | | 5,868,000 | 586,800 | 978,000 | 29,340,000 | 36,772,800 | |
| 163 | Nguyễn Thị Ty | 027178008623 | Thôn Từ Nè | Trụ | Sau Lãng | 13 | 595 | 49.0 | 49.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG456432 | 13 | 595 | 49.0 | 49.0 | 49.0 | 49.0 | | 4,410,000 | 441,000 | 735,000 | 22,050,000 | 27,636,000 | |
| 164 | Nguyễn Văn Vụ | 027063008585 | Thôn Từ Nè | Thuận/Vũ | Sau Lãng | 13 | 455 | 107.6 | 107.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 260967 | 13 | 455 | 107.6 | 107.6 | 107.6 | 107.6 | | 9,684,000 | 968,400 | 1,614,000 | 48,420,000 | 60,686,400 | |
| 165 | Nguyễn Thế Vương | 027064009962 | Thôn Từ Nè | Hải | Sau Lãng | 13 | 528 | 91.9 | 91.9 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500623 | 13 | 528 | 91.9 | 91.9 | 91.9 | 91.9 | | 8,271,000 | 827,100 | 1,378,500 | 41,355,000 | 51,831,600 | |
| 166 | Đình Thị Xuân | 027149003095 | Thôn Từ Nè | Trương | Sau Lãng | 12 | 329 | 107.6 | 107.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299552 | 12 | 329 | 107.6 | 107.6 | 107.6 | 107.6 | | 9,684,000 | 968,400 | 1,614,000 | 48,420,000 | 60,686,400 | |
| 167 | Nguyễn Thị Xuyên | 027159007477 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 12 | 336 | 87.0 | 87.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299808 | 12 | 336 | 87.0 | 87.0 | 87.0 | 87.0 | | 7,830,000 | 783,000 | 1,305,000 | 39,150,000 | 49,068,000 | |
| 168 | Đình Thị Yên | 027154005765 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 12 | 305 | 119.4 | 119.4 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CG500674 | 12 | 305 | 119.4 | 119.4 | 119.4 | 119.4 | | 10,746,000 | 1,074,600 | 1,791,000 | 53,730,000 | 67,341,600 | |
| 169 | Nguyễn Thị Hạ | 027154008164 | Thôn Từ Nè | Yên | Sau Lãng | 13 | 525 | 218.0 | 218.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | CGNQSDĐ | CD 299666 | 13 | 525 | 218.0 | 218.0 | 218.0 | 218.0 | | 19,620,000 | 1,962,000 | 3,270,000 | 98,100,000 | 122,952,000 | |
| 170 | Nguyễn Văn Độ | | | Sắc | Sau Lãng | 17 | 414 | 86.0 | 86.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 136 | 17 | 414 | 86.0 | 86.0 | 86.0 | 86.0 | | 7,740,000 | 774,000 | 1,290,000 | 38,700,000 | 48,504,000 | Thực hiện bồi thường theo PA dân điền đổi thửa năm 2013 |
| 171 | Đình Đông Bằng | 027061008047 | Thôn Từ Nè | Lan | Sau Lãng | 17 | 383 | 85.3 | 85.3 | | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 1 | | 85.3 | 85.3 | 85.3 | 85.3 | | 7,677,000 | 767,700 | 1,279,500 | 38,385,000 | 48,109,200 | Thực hiện bồi thường theo PA dân điền đổi thửa năm 2013 | |
| 172 | Đình Đông Hương | 027072009742 | Thôn Từ Nè | Nhạn | Sau Lãng | 13 | 403 | 312.8 | 312.8 | | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 146 | | 312.8 | 312.8 | 312.8 | 312.8 | | 28,152,000 | 2,815,200 | 4,692,000 | 140,760,000 | 176,419,200 | Thực hiện bồi thường theo PA dân điền đổi thửa năm 2013 | |
| 173 | Đình Đông Phương | 027059003370 | Thôn Từ Nè | Tĩnh | Sau Lãng | 13 | 484 | 118.4 | 118.4 | | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 61 | | 118.4 | 118.4 | 118.4 | 118.4 | | 10,656,000 | 1,065,600 | 1,776,000 | 53,280,000 | 66,777,600 | Thực hiện bồi thường theo PA dân điền đổi thửa năm 2013 | |
| 174 | Nguyễn Thành Nam | 027070005144 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 17 | 412 | 107.8 | 107.8 | | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 157 | | 107.8 | 107.8 | 107.8 | 107.8 | | 9,702,000 | 970,200 | 1,617,000 | 48,510,000 | 60,799,200 | Thực hiện bồi thường theo PA dân điền đổi thửa năm 2013 | |
| 175 | Nguyễn Văn Toàn đại diện hộ gia đình (ông Nguyễn Văn Can đã chết) | 027070008754 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 17 | 379 | 103.4 | 103.4 | | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 5 | | 103.4 | 103.4 | 103.4 | 103.4 | | 9,306,000 | 930,600 | 1,551,000 | 46,530,000 | 58,317,600 | Thực hiện bồi thường theo PA dân điền đổi thửa năm 2013 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------------------|--|--------------|------------|------------|----------|----|-----|-----------------|-----------------|------------|-----|--------|------------------------------------|-----|--|--|--|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------|----------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|---|
| 176 | Nguyễn Văn Cờ | 027050004234 | Thôn Từ Nè | Nghĩa | Sau Lãng | 13 | 485 | 172.8 | 172.8 | | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 4 | | | | 172.8 | 172.8 | 172.8 | 172.8 | | 15,552,000 | 1,555,200 | 2,592,000 | 77,760,000 | 97,459,200 | Thực hiện bồi thường theo PA đơn điền đổi thửa năm 2013 |
| 177 | Nguyễn Văn Cường | 027084007538 | Thôn Từ Nè | Yến | Sau Lãng | 12 | 296 | 113.7 | 113.7 | 0.0 | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 130 | | | | 113.7 | 113.7 | 113.7 | 113.7 | | 10,233,000 | 1,023,300 | 1,705,500 | 51,165,000 | 64,126,800 | Thực hiện bồi thường theo PA đơn điền đổi thửa năm 2013 |
| 178 | Nguyễn Văn Hán | 027069012618 | Thôn Từ Nè | Nhã | Sau Lãng | 17 | 445 | 167.7 | 167.7 | | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 22 | | | | 167.7 | 167.7 | 167.7 | 167.7 | | 15,093,000 | 1,509,300 | 2,515,500 | 75,465,000 | 94,582,800 | Thực hiện bồi thường theo PA đơn điền đổi thửa năm 2013 |
| 179 | Bà Nguyễn Thị Cẩm là vợ ông Nguyễn Văn Luân đã chết | 027160005872 | Thôn Từ Nè | Cẩm/Than h | Sau Lãng | 12 | 320 | 172.6 | 172.6 | 0.0 | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 46 | | | | 172.6 | 172.6 | 172.6 | 172.6 | | 15,534,000 | 1,553,400 | 2,589,000 | 77,670,000 | 97,346,400 | Thực hiện bồi thường theo PA đơn điền đổi thửa năm 2013 |
| 180 | Bà Đinh Thị Nương là đại diện hộ gia đình ông Đinh Đồng Soái đã chết | 027185006961 | Thôn Từ Nè | Nương | Sau Lãng | 13 | 454 | 86.0 | 86.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 72 | | | | 86.0 | 86.0 | 86.0 | 86.0 | | 7,740,000 | 774,000 | 1,290,000 | 38,700,000 | 48,504,000 | Thực hiện bồi thường theo PA đơn điền đổi thửa năm 2013 |
| 181 | Nguyễn Văn Toàn | 027070008754 | Thôn Từ Nè | | Sau Lãng | 17 | 722 | 108.0 | 108.0 | 0.0 | LUC | GD-KTT | PA DDDT (QĐ số 842 ngày 21/5/2013) | 113 | | | | 108.0 | 108.0 | 108.0 | 108.0 | | 9,720,000 | 972,000 | 1,620,000 | 48,600,000 | 60,912,000 | Thực hiện bồi thường theo PA đơn điền đổi thửa năm 2013 |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | 23,099.9 | 23,099.9 | 0.0 | | | | | | | | 23,099.9 | 23,099.9 | 23,099.9 | 23,099.9 | 0.0 | 2,078,991,000 | 207,899,100 | 346,498,500 | 10,394,955,000 | 13,028,343,600 | |